

SỞ Y TẾ HUNG YÊN
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hung Yên, ngày 06 tháng 5 năm 2022

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 127/2022/ĐKSP

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Hưng Yên xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần dinh dưỡng y học BIO ORGANIC.

Địa chỉ: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0389948784.

Cho sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng Belimil Colostrum Digest.

Do Công ty cổ phần dinh dưỡng y học BIO ORGANIC sản xuất, phù hợp quy chuẩn kỹ thuật/quy định/tiêu chuẩn: QCVN 8-2:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm”; QCVN 8-3:2012/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm; QCVN 11-3:2012/BYT “Quy chuẩn quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi; Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: 71-Belimil Colostrum Digest/2022-TCSX-Bio Organic.

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- Website: antoanthucphamhungyen.vn;
- Lưu trữ: VP./.

CHI CỤC TRƯỞNG

Đỗ Mạnh Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 35- Belimil Colostrum Digest/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức : **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC**

Địa chỉ : Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0389948784

E-mail :

Mã số doanh nghiệp: 0108117821 Sở Kế hoạch và đầu tư Hưng Yên cấp ngày 09/9/2021

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 63/2021/ATTP-CNDK. Ngày cấp/Nơi cấp: 01/11/2021, Nơi cấp: Chi Cục an toàn vệ sinh thực phẩm – Tỉnh Hưng Yên.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng Belimil Colostrum Digest (Dinh dưỡng dành cho trẻ từ 6-36 tháng tuổi)

2. Thành phần:

Sữa bột béo tan nhanh, Đạm whey cô đặc, Đường (Lactose, Dextrose, Maltodextrin), Enzym (Protease, Amylase, Cellulose, Lipase, Lactase), HMO (2-Fucosyllactose), Chất xơ (FOS/OLIGOMATE-55NP), DHA, Lysine HCL, Sữa non, bột yến sào, bột óc chó, Choline, Taurine. Khoáng chất (Canxi Carbonate, Photpho Photphate, Magie Phosphate, Sắt Sulphate, Đồng Sulphate, Kẽm Sulphate, Selen, Mangan sulphate, Kali iodua, Natri Selenit, I- ốt. Các Vitamin (Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin C, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B5, Vitamin B6, Vitamin B12, Axit folic, Biotin). Hương sữa và hương vani tổng hợp dùng trong thực phẩm.

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trong 100g
Năng lượng	Kcal/100g	449,08 ± 30%
Đạm whey cô đặc	g/100g	11,02 ± 30%
Năng lượng từ Chất đạm	Kcal/100g	44,08 ± 30%
Hydrat Cacbon	g/100g	63 ± 30%
Năng lượng từ Hydrat Cacbon	Kcal/100g	252 ± 30%

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trong 100g
Chất béo	g/100g	17 ± 30%
Năng lượng từ chất béo	Kcal/100g	153 ± 30%
Protease	Định tính	Dương tính
Amylase	Định tính	Dương tính
Cellulase	Định tính	Dương tính
Lipase	Định tính	Dương tính
Lactase	Định tính	Dương tính
HMO (2'-Fucosyllactose)	mcg/100g	200 ± 30%
DHA	mg/100g	10 ± 30%
Lysine HCL	mg/100g	489,27 ± 30%
Chất xơ (FOS/OLIGOMATE-55NP)	g/100g	1,7 ± 30%
Sữa non	mcg/100g	36000 ± 30%
Bột yến sào	mcg/100g	100 ± 30%
Bột óc chó	mcg/100g	30 ± 30%
Choline	mg/100g	40 ± 30%
Taurine	mg/100g	27 ± 30%
Vitamin A	IU/100g	1176,5 ± 30%
Vitamin D3	IU/100g	169,7 ± 30%
Vitamin C	mg/100g	24,96 ± 30%
Vitamin B1	mcg/100g	486,3 ± 30%
Vitamin B2	mcg/100g	508,7 ± 30%
Vitamin B5	mcg/100g	2236,7 ± 30%
Vitamin B6	mcg/100g	482,5 ± 30%
Vitamin B12	mcg/100g	1,14 ± 30%
Axit Folic	mcg/100g	138 ± 30%
Canxi	mg/100g	477,36 ± 30%
Photpho	mg/100g	422,48 ± 30%
Magie	mg/100g	66,14 ± 30%
Sắt	mg/100g	7,31 ± 30%

1117
NG
PH
DU
HỌ
JRG
T. V

V
CHI CƯ
TAM V
HJC P
H HƯ

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trong 100g
Kẽm	mg/100g	3,28 ± 30%
Đồng	mcg/100g	130 ± 30%
Mangan	mcg/100g	11 ± 30%
Selen	mcg/100g	8 ± 30%
Natri	mg/100g	620 ± 30%
Kali	mg/100g	175 ± 30%

Hàm lượng vitamin và khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02. Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo thông tư 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên vỏ bao bì. Không sử dụng quá 4 tuần kể từ ngày mở nắp hộp.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

5.1. Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 350g/hộp, 400g/hộp, 500g/hộp, 550g/hộp, 700g/hộp, 800g/hộp, 850g/hộp, 900g/hộp.

5.2. Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon, hộp thiếc hoặc túi giấy tráng bạc, thi nhựa đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Sản xuất tại: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC**

- Địa điểm: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- Điện thoại: 0389948784 Fax:.....

- Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 63/2021/ATTP-CNĐK

- Ngày cấp/Nơi cấp: 01/11/2021, Nơi cấp: Chi Cục an toàn vệ sinh thực phẩm – Tỉnh Hưng Yên.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty cổ phần dinh dưỡng y học Bio Organic sản xuất, kinh doanh Sản phẩm dinh dưỡng Belimil Colostrum Digest (Dinh dưỡng dành cho trẻ từ 6-36 tháng tuổi) đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010.
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn thực phẩm 2010.
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa.

- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BYT ngày 15 tháng 06 năm 2015 của Bộ Y tế về hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm”.
- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ Y tế về quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hoá học trong thực phẩm.
- QCVN 11-3:2012/BYT Quy chuẩn quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất Số: 71 - Belimil Colostrum Digest/2022-TCSX-Bio Organic.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

Hưng Yên, ngày 26 tháng 4 năm 2022

Đại diện tổ chức, cá nhân



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Anh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC

BẢN TIÊU CHUẨN CỦA NHÀ SẢN XUẤT

Số: 71 - Belimil Colostrum Digest/2022-TCSX- Bio Organic

Đơn vị sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC

Địa điểm: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0389948784

Fax:.....

1. Sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng Belimil Colostrum Digest (Dinh dưỡng dành cho trẻ từ 6-36 tháng tuổi)

2. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng bột, đồng nhất, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng sữa đến màu vàng nhạt đặc trưng sản phẩm
3	Mùi vị	Thơm, ngọt, đặc trưng của sản phẩm

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trong 100g
Năng lượng	Kcal/100g	444,53 $\pm$ 30%
Dạm whey cô đặc	g/100g	11,02 $\pm$ 30%
Năng lượng từ Chất dạm	Kcal/100g	44,8 $\pm$ 30%
Hydrat Cacbon	g/100g	61,93 $\pm$ 30%
Năng lượng từ Hydrat Cacbon	Kcal/100g	247,72 $\pm$ 30%
Chất béo	g/100g	16,89 $\pm$ 30%
Năng lượng từ chất béo	Kcal/100g	152,01 $\pm$ 30%
Protease	Định tính	Dương tính
Amylase	Định tính	Dương tính
Cellulase	Định tính	Dương tính
Lipase	Định tính	Dương tính
Lactase	Định tính	Dương tính

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trong 100g
HMO (2'-Fucosyllactose)	mcg/100g	200 ± 30%
DHA	mg/100g	10 ± 30%
Lysine HCL	mg/100g	489,27 ± 30%
Chất xơ (FOS/OLIGOMATE-55NP)	g/100g	1,7 ± 30%
Sữa non	mcg/100g	36000 ± 30%
Bột yến sào	mcg/100g	100 ± 30%
Bột óc chó	mcg/100g	30 ± 30%
Choline	mg/100g	40 ± 30%
Taurine	mg/100g	27 ± 30%
Vitamin A	IU/100g	1176,5 ± 30%
Vitamin D3	IU/100g	169,7 ± 30%
Vitamin C	mg/100g	24,96 ± 30%
Vitamin B1	mcg/100g	486,3 ± 30%
Vitamin B2	mcg/100g	508,7 ± 30%
Vitamin B5	mcg/100g	2236,7 ± 30%
Vitamin B6	mcg/100g	482,5 ± 30%
Vitamin B12	mcg/100g	1,14 ± 30%
Axit Folic	mcg/100g	138 ± 30%
Canxi	mg/100g	477,36 ± 30%
Photpho	mg/100g	422,48 ± 30%
Magie	mg/100g	66,14 ± 30%
Sắt	mg/100g	7,31 ± 30%
Kẽm	mg/100g	3,28 ± 30%
Đồng	mcg/100g	130 ± 30%
Mangan	mcg/100g	11 ± 30%
Selen	mcg/100g	8 ± 30%
Natri	mg/100g	620 ± 30%
Kali	mg/100g	175 ± 30%

081
SỐ
CỔ
NH
Y
100
TH

V
I CUC
AN VES
JC PHA
HUNG

Hàm lượng vitamin và khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02.
Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo thông tư 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

4. Chỉ tiêu an toàn

4.1. Giới hạn về vi sinh vật

Theo QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm (Theo nhóm Sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn dặm cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi)

<i>STT</i>	<i>Tên chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Mức tối đa</i>
1	Enterobacteriaceae	/10g	KPH
2	Salmonella	/25g	KPH

4.2. Giới hạn kim loại nặng

Theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

<i>STT</i>	<i>Tên chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Mức tối đa</i>
1	Thiếc (Sn)	mg/kg	250
2	Cadmi (Cd)	mg/kg	1
3	Chì (Pb)	mg/kg	0.02
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.05
5	Arsen (As)	mg/kg	0.5

4.3. Giới hạn về độc tố vi nấm

Theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn về độc tố vi nấm trong thực phẩm (Theo nhóm thức ăn công thức/ Thức ăn dành cho trẻ dưới 36 tháng tuổi)

<i>STT</i>	<i>Tên chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Mức tối đa</i>
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0.025
2	Patuli	µg/kg	10
3	Fumonisin	µg/kg	200
4	Aflatoxin B1	µg/kg	0.1
5	Deoxynivalenol	µg/kg	200

<i>STT</i>	<i>Tên chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Mức tối đa</i>
6	Zearalenone	µg/kg	20
7	Ochratoxin A	µg/kg	0.5

4.4. Giới hạn về Melamin

Theo 38/2008/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa melamin nhiễm chéo trong thực phẩm.

<i>STT</i>	<i>Tên chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Mức tối đa</i>
1	Melamin	mg/kg	2.5

4.5. Các tiêu chí khác

- **Dư lượng thuốc thú y:** Phù hợp với quy định dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm theo Thông tư 24/2013/TT-BYT ngày 14 tháng 08 năm 2013 của Bộ Y tế.
- **Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật:** Phù hợp với quy định giới hạn dư lượng thuốc tối đa bảo vệ thực vật trên thực phẩm theo Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.

5. Hướng dẫn sử dụng:

Công dụng:

- Bổ sung cho chế độ ăn của trẻ từ 6-36 tháng tuổi.
- Giúp miễn dịch, tăng sức đề kháng.
- Giúp trẻ ăn ngon miệng.
- Giúp tăng cân khỏe mạnh.
- Giúp tăng cường trí nhớ và thị giác.

Đối tượng sử dụng:

Dành cho trẻ từ 6-36 tháng tuổi.

Cách pha:

Một muỗng gạt ngang (tương đương 9.8gram) pha với 50ml nước

1. Pha ở nơi sạch sẽ. Rửa tay và dụng cụ pha thật sạch sẽ, đun sôi dụng cụ pha trong vòng 5 phút.

2. Đun sôi nước sạch trong 5 phút, để nguội dần xuống 40 độ C trước khi pha.
3. Pha theo bảng hướng dẫn và sử dụng muỗng lường có sẵn trong lon.
4. Đậy nắp, lắc đều dụng cụ để tan hoàn toàn. Để nguội đến nhiệt độ thích hợp rồi sử dụng.

Số tuổi	Lượng bột (Thìa)	Lượng nước (ml)	Số lần/ngày
6 - 11 tháng	4	200	3
12 - 36 tháng	4	200	4

Thận trọng: pha xong dùng ngay. Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ. Đổ bỏ phần thừa sau mỗi lần uống.

Chú ý: “Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. Các yếu tố chống nhiễm khuẩn, đặc biệt là kháng thể chỉ có trong sữa mẹ có tác dụng giúp trẻ phòng, chống bệnh tiêu chảy, nhiễm khuẩn đường hô hấp và một số bệnh nhiễm khuẩn khác. Chỉ sử dụng sản phẩm này theo chỉ dẫn của bác sĩ. Pha chế theo đúng hướng dẫn. Cho trẻ ăn bằng cốc, thìa hợp vệ sinh”.

6. Hướng dẫn sử dụng:

Bảo quản sản phẩm ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Không bảo quản sản phẩm trong tủ lạnh.

7. Thời hạn sử dụng; 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên vỏ bao bì. Không sử dụng quá 4 tuần kể từ ngày mở nắp hộp.

8. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

8.1. Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon, hộp thiếc hoặc túi giấy trắng bạc, thìa nhựa đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

8.2. Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 350g/hộp, 400g/hộp, 500g/hộp, 550g/hộp, 700g/hộp, 800g/hộp, 850g/hộp, 900g/hộp

Hưng Yên, ngày 26 tháng 4 năm 2022

Đại diện tổ chức, cá nhân



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Anh Phương

[illegible]

BN: 220112-005/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 2201254

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analytical Results



Tên mẫu / Sample name: Sản phẩm dinh dưỡng Belimil Colostrum Digest

(Dành cho trẻ từ 6-36 tháng tuổi)

Khách hàng / Client : CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC

Địa chỉ / Address : Thôn Đỗ Mỹ, Xã Bãi Sậy, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên

Mô tả mẫu / Sample description : Mẫu dạng bột đựng trong bao bì kín

Nền mẫu / Matrix : Sản phẩm dinh dưỡng Belimil Colostrum Digest

(Dành cho trẻ từ 6-36 tháng tuổi)

Số lượng mẫu / Number of sample: 01

Ngày nhận mẫu / Date of sample received : 12/01/2022

Ngày hẹn trả kết quả / Date of results delivery: 20/01/2022



Mã số mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Kết quả	LOD	Đơn vị	Phương pháp
2201254	Arsen (As) ^(*) (b)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Cadimi (Cd) ^(*) (b)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Thiếc (Sn)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Chì (Pb) ^(*)	KPH	0.02	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Thủy ngân (Hg) ^(*) (b)	KPH	0.02	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Aflatoxin M ₁	KPH	0.025	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Ochratoxin A	KPH	0.1	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018

BN: 220112-005/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 2201254

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Analytical Results

Mã số mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Kết quả	LOD	Đơn vị	Phương pháp
2201254	Patulin	KPH	1.0	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Deoxynivalenol (DON)	KPH	100	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Zearalenone (ZON)	KPH	10	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Fumonisin	KPH	100	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Melamin	KPH	1.0	mg/kg	Ref. TCVN 9048-2012
	Enterobacteriaceae (*)	KPH	10	CFU/g	ISO 21528 - 2:2017
	Salmonella (*)	KPH	-	/25g	TCVN 10780-1:2017



Ghi chú/Note : Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử đã được mã hóa như trên/ *The results only valid for the sample encoded as above*

- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty / *The results shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director*

- (*) Phương pháp được Vilas công nhận / *The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS)*

- (a) Kết quả do nhà thầu phụ thực hiện / *The parameters tested by subcontractor*

- (b) Phòng thử nghiệm được chỉ định bởi Bộ Y Tế / *Lab approved by Ministry of Health*

- LOD: Giới hạn phát hiện/ *Limit of detection.*

KPH : không phát hiện/ *Not detected*

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thanh Tân

Giám Đốc
Director

TS. Phạm Kim Phương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BAN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH HƯNG YÊN
CHỨNG NHẬN

Tên cơ sở: Công ty cổ phần dinh dưỡng y học Bio Organic
Địa chỉ: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Điện thoại: 0389948784

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH:

Sản xuất kinh doanh thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ em đến 36 tháng tuổi

Hưng Yên, ngày 01 tháng 12 năm 2021

CHI CỤC TRƯỞNG

17-12-2021



PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thu Hương

Số cấp: 63 /2021 /ATTP-CNĐK
Có hiệu lực đến ngày 01 tháng 12 năm 2024

Số 446/g. Quyển 07 TPX/SC/1623

Đỗ Mạnh Hùng